

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023**

(Đính kèm công văn số /STC-NSNN ngày tháng năm 2024 của Sở Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN NĂM 2023	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>61.685.000</b>	<b>58.109.526</b>	<b>94%</b>	<b>88%</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>61.685.000</b>	<b>58.109.526</b>	<b>94%</b>	<b>88%</b>
1	Thu nội địa	40.235.000	40.498.224	101%	93%
2	Thu từ dầu thô	-	-	-	-
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	21.450.000	17.611.302	82%	118%
4	Thu viện trợ	-	-	-	-
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>27.997.633</b>	<b>25.852.430</b>	<b>92%</b>	<b>114%</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>25.062.833</b>	<b>24.317.906</b>	<b>97%</b>	<b>108%</b>
1	Chi đầu tư phát triển	10.108.405	10.668.056	106%	117%
2	Chi thường xuyên	14.452.936	13.093.939	91%	103%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	-	1		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.910	555.910	19103%	74%
5	Dự phòng ngân sách	498.582	-	0%	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>	<b>1.934.800</b>	<b>1.193.782</b>	<b>62%</b>	<b>897%</b>
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP</b>	<b>1.000.000</b>	<b>-</b>	<b>0</b>	
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>				